

Chủ đề: TIN VÀO NHỮNG ĐỔI THAY

I. Đọc hiểu văn bản văn học và viết đoạn văn nghị luận văn học

Câu 1.

a. 01 biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: so sánh (*tiếng lao xao như ai ngã nón chào*).

b. Nhận xét hình ảnh *hàng cau* trong bài thơ:

Hình ảnh *hàng cau* trong bài thơ được tái hiện với những biện pháp tu từ (nhân hóa, so sánh) và những từ ngữ ấn tượng (*hút nắng, thu tiếng chiều*).

Những biện pháp tu từ và từ ngữ trên đã góp phần khiến hàng cau được miêu tả một cách sinh động, đầy hình ảnh, khơi gợi nhiều cảm xúc cho tác giả trong buổi chiều thu.

c. Chủ đề của bài thơ: những tình cảm, cảm xúc của tác giả trong buổi chiều thu trước những thay đổi tích cực của đất nước quê hương sau thành công của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Căn cứ xác định: nhan đề, không gian, thời gian được tái hiện trong bài, mạch cảm xúc, xuất xứ.

d. Bài học rút ra từ bài thơ trên:

Cần biết mở lòng cảm nhận và trân trọng vẻ đẹp bình dị của quê hương, bởi chính những cảnh vật quen thuộc, đời thường lại nuôi dưỡng tâm hồn con người bằng sự yên ả, ấm áp và gắn bó sâu bền.

Tình yêu quê hương gắn liền với niềm tin và niềm tự hào về đất nước đang lớn lên từng ngày, giúp con người sống lạc quan, yêu cuộc sống và có ý thức gìn giữ những giá trị tốt đẹp của cộng đồng.

Câu 2. Nêu cảm nghĩ về bài thơ *Chiều thu quê hương* (Huy Cận).

a. Lạc quan, tin tưởng, tự hào với nội dung bài thơ chuyển tải:

- Khắc họa một chiều thu quê hương trong trẻo, yên bình, nơi thiên nhiên và con người cùng hiện lên hài hòa, ấm áp, với những hình ảnh đời thường như vườn cau, bếp lửa, em bé, gà mẹ..., bài thơ giúp người đọc cảm nhận được sức sống bền bỉ của làng quê, gợi niềm tin vào cuộc sống đang âm thầm lớn lên, đổi thay theo hướng tốt đẹp.

- Từ bức tranh quê giản dị ấy, bài thơ khơi dậy niềm tự hào về quê hương, đất nước, đang “bồi da thấm thịt”, mang vẻ đẹp vừa truyền thống vừa giàu sức sống mới.

b. Ấn tượng với những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ:

- Thể thơ tám chữ với nhịp điệu nhẹ nhàng giúp cảm xúc lan tỏa tự nhiên, phù hợp với không khí êm đềm, sâu lắng của buổi chiều thu.

- Hình ảnh thơ phong phú, gần gũi, được cảm nhận bằng nhiều giác quan, tạo nên bức tranh thu quê hương giàu màu sắc và âm thanh.

- Việc sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ khiến cảnh vật trở nên có hồn, góp phần tăng sức gợi cảm và chiều sâu trữ tình cho bài thơ.

II. Đọc hiểu văn bản thông tin và viết bài văn nghị luận xã hội

Câu 1.

Đoạn trích đã nhắc đến tên của tổ chức quốc tế là UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc).

Tác dụng đối với văn bản: được sử dụng như một minh chứng để củng cố thêm cho vấn đề/ quan điểm “cắm học sinh dùng điện thoại ở trường” được nêu trong văn bản.

Câu 2.

1. Giải thích:

- Điện thoại di động là một thiết bị liên lạc thông minh, dùng để nghe gọi, tìm hiểu các thông tin nhanh chóng. Nhờ nó, con người có một cuộc sống tiện lợi, phát triển tinh thần, cất giảm sức lực và thời gian đi rất nhiều. Điện thoại ngày nay đã có nhiều cải tiến, chức năng thay đổi đáng kể so với những chiếc điện thoại phát minh từ đời đầu. Từ điện thoại, con người có thể gọi điện nhìn thấy nhau, nhận và

chuyên tiền cho nhau, đặt vé xe, tàu, máy bay; xem phim, nghe nhạc, chơi trò chơi,... Hầu như mọi thao tác trong cuộc sống đều có thể thực hiện thông qua điện thoại di động.

- Không phủ nhận tầm quan trọng của điện thoại di động trong cuộc sống hiện đại, tuy nhiên chúng ta cần đồng thuận với việc nhà trường cấm học sinh dùng điện thoại di động, kể cả giờ ra chơi.

2. Luận điểm trung tâm: Đồng thuận với quan điểm

- Thứ nhất, điện thoại di động tuy có nhiều tiện ích nhưng trong môi trường học đường, đặc biệt là ở lứa tuổi học sinh, những lợi ích ấy không đủ lớn để vượt qua các nguy cơ gây xao nhãng. Việc sử dụng điện thoại dễ khiến học sinh mất tập trung, lệ thuộc vào màn hình, làm gián đoạn quá trình học tập và tương tác trực tiếp với thầy cô, bạn bè.

- Thứ hai, các chức năng hỗ trợ học tập của điện thoại (tra cứu, ứng dụng học tập, từ điển...) hoàn toàn có thể được thay thế bằng các phương tiện do nhà trường tổ chức và kiểm soát, như phòng máy, thư viện, thiết bị học tập chung. Vì vậy, cấm điện thoại không đồng nghĩa với việc cản trở học tập, mà nhằm đưa việc học trở lại đúng môi trường sư phạm cần thiết.

- Thứ ba, trong những trường hợp cần thiết như liên lạc khẩn cấp với gia đình, nhà trường hoàn toàn có thể đóng vai trò trung gian. Quy định cấm điện thoại, kể cả giờ ra chơi, vì thế không phải là phủ nhận công nghệ, mà là biện pháp giáo dục nhằm rèn kỉ luật, thói quen tập trung và kỹ năng giao tiếp trực tiếp cho học sinh.

3. Luận điểm mở rộng:

- Học sinh cần hiểu rõ về quyền riêng tư, an toàn thông tin cá nhân và phải được khuyến khích sử dụng công nghệ để phục vụ cho mục tiêu học tập và phát triển bản thân thay vì lạm dụng cho mục đích giải trí. Rời xa điện thoại di động trong môi trường học đường, các bạn sẽ tập trung vào việc học hơn, đồng thời có nhiều thời gian giao tiếp, tương tác với nhau và phát triển cả về thể chất, tinh thần.

- Nhà trường cần phối hợp với gia đình trong vấn đề quản lí việc sử dụng điện thoại của học sinh. Bên cạnh đó, nhà trường cần chú trọng tổ chức các hoạt động thể chất, vận động trong giờ ra chơi, tổ chức các câu lạc bộ, hội nhóm để học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm. Từ đó, các em có rất nhiều mối quan tâm lành mạnh hơn, giúp giảm thời gian tập trung vào điện thoại di động và mạng xã hội không cần thiết.